TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **25** /2020/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 27 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị Nh; Sinh năm: 1990.

Nơi ĐKHKTT: Bản O, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở: Bản N, xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn G; Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Bản O, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82, 83, 84,116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lường Thị Nh và anh Lò Văn G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Nh và anh Lò Văn G thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh G được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị Hồng Ng, sinh ngày 11/11/2009 và cháu Lò Tiến D, sinh ngày 20/8/2013 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Nh phải có nghĩa vụ mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 500.000đ/cháu/tháng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Hình thức cấp dưỡng tiền mặt, Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2020.

Kể từ ngày anh G có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nh không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị Nh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có; diện tích ruộng nương: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nh và anh G đều là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại Bản O, xã N, huyện Điện Biên thuộc xã đặc biệt khó khăn (xã 135 theo Quyết định của Chính Phủ) có đơn xin miễn án phí DSST. Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nh và anh G được miễn án phí DSST. Chị Nh được miễn án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *Chi cục THADS huyện Điện Biên;*
- *VKSND H.Điện Biên;*
- *UBND xã Noong Luống, H.ĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đỗ Thu Hương